

QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2026-QĐHN-TMIV ngày 17 tháng 04 năm 2026 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam)

Căn cứ vào các thông tin, kê khai và cam đoan trong **Giấy yêu cầu bảo hiểm** và trên cơ sở xem xét khoản phí bảo hiểm mà **Bên mua bảo hiểm** đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho **Doanh nghiệp bảo hiểm**, với điều kiện tuân theo các nguyên tắc chung, quyền lợi bảo hiểm, điều kiện loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và những **Sửa đổi bổ sung** đính kèm **Hợp đồng bảo hiểm** này, **Doanh nghiệp bảo hiểm** đồng ý với **Bên mua bảo hiểm** như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- Bên mua bảo hiểm** : là tổ chức, cá nhân đề nghị mua bảo hiểm và/hoặc ký xác nhận trên báo giá bảo hiểm, và giao kết **Hợp đồng bảo hiểm** với **Doanh nghiệp bảo hiểm**. **Bên mua bảo hiểm** sẽ chịu trách nhiệm đóng phí bảo hiểm và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, và trách nhiệm theo quy định pháp luật và/hoặc theo **Hợp đồng bảo hiểm** này.
- Doanh nghiệp bảo hiểm** : là Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam.
- Người được bảo hiểm** : là **Chủ xe** được ghi trên **Hợp đồng bảo hiểm**.
- Chủ xe** : là chủ sở hữu xe hoặc cá nhân, tổ chức được chủ sở hữu xe giao chiếm hữu, sử dụng xe hợp pháp; hoặc cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu thực tế chưa làm thủ tục đăng ký theo quy định nhưng có Hợp đồng mua bán xe hợp pháp.
- Xe mô tô - xe gắn máy** : bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe có kết cấu tương tự xe mô tô
- Hợp đồng bảo hiểm** : Là sự thoả thuận giữa **Bên mua bảo hiểm** và **Doanh nghiệp bảo hiểm**, theo đó **Bên mua bảo hiểm** phải đóng đủ phí bảo hiểm, **Doanh nghiệp bảo hiểm** phải bồi thường cho Người được bảo hiểm/Người thụ hưởng khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
Một bộ **Hợp đồng bảo hiểm** phải được lập thành văn bản và bao gồm:
 - **Giấy yêu cầu bảo hiểm**;
 - Quy tắc bảo hiểm;
 - **Bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm**
 - Giấy chứng nhận bảo hiểm;
 - **Sửa đổi bổ sung** (nếu có)
- Giấy yêu cầu bảo hiểm** : là văn bản thể hiện các yêu cầu bảo hiểm và cam kết của **Bên mua bảo hiểm**, được **Bên mua bảo hiểm** ký và đóng dấu (nếu có) làm căn cứ để **Doanh nghiệp bảo hiểm** xem xét và chấp thuận việc bảo hiểm thông qua việc cấp **Hợp đồng bảo hiểm**. Văn bản này là một bộ phận cấu thành và không tách rời của **Hợp đồng bảo hiểm**, được **Doanh nghiệp bảo hiểm** cấp mẫu cho **Bên mua bảo hiểm**, được lập bằng bản giấy (bản cứng) hoặc bản điện tử trên website/ứng dụng bán hàng trực tuyến, nhằm thiết lập bộ **Hợp đồng bảo hiểm**.
- Bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm** : là bản tóm tắt các điều kiện điều khoản và hạn mức trách nhiệm của **Hợp đồng bảo hiểm** hoặc **Hợp đồng bảo hiểm** Tái tục (cho trường hợp tái tục) do **Doanh nghiệp bảo hiểm** cấp cho **Bên mua bảo hiểm**.
- Sửa đổi bổ sung** : là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của **Hợp đồng bảo hiểm** được **Doanh nghiệp bảo hiểm** cấp cho **Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm** để xác nhận các thay đổi về nội dung của **Hợp đồng bảo hiểm** đã được cấp trước đó trên cơ sở **Doanh nghiệp bảo hiểm** chấp thuận các yêu cầu bảo hiểm bổ sung của **Người được bảo hiểm**.
- Mức khấu trừ** : là số tiền **Người được bảo hiểm** phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi **Vụ tổn thất** của xe tham gia bảo hiểm, được ghi trong **Bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm**.

- 11. Vụ tổn thất** : được xác định là sự va chạm giữa xe cơ giới được bảo hiểm, khi đang tham gia giao thông trên đường hoặc không lưu thông, với vật thể khác trong một sự kiện và/hoặc một chuỗi các sự kiện xảy ra đồng thời với cùng một nguyên nhân tại một địa điểm giao thông và có thiệt hại về người hoặc thiệt hại về tài sản, vượt quá phạm vi kiểm soát không lường trước được của Người được bảo hiểm hoặc Người điều khiển xe cơ giới.
- 12. Thời gian đã sử dụng** : là khoảng thời gian tính từ tháng xe được đăng ký lần đầu tại Việt Nam hoặc từ tháng một của năm sản xuất xe đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất xe đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm.

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm

Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên **Bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm**.

Điều 3. Số tiền bảo hiểm

- Số tiền bảo hiểm là số tiền mà **Bên mua bảo hiểm** và **Doanh nghiệp bảo hiểm** thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm để bảo hiểm cho **Xe mô tô - xe gắn máy** trên cơ sở yêu cầu của Bên mua bảo hiểm. Số tiền bảo hiểm không lớn hơn giá thị trường của xe.
- Doanh nghiệp bảo hiểm** xác định giá trị của xe tham gia bảo hiểm theo giá thị trường tại Việt Nam hoặc theo cơ sở như sau:
 - Đối với xe mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
 - Đối với xe đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá thị trường của xe trong đó giá thị trường là giá bán của chiếc xe cùng chủng loại cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất (make), cùng mẫu xe (model), cùng km đã sử dụng hoặc thời gian sử dụng xe (tùy theo cách nào hợp lý hơn), cùng mục đích sử dụng theo thỏa thuận mua bán khách quan trong giao dịch thông thường trên thị trường tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

Điều 4. Phạm vi bảo hiểm

- Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ bồi thường cho **Người được bảo hiểm** cho tổn thất hay thiệt hại vật chất xảy ra cho **Xe mô tô - xe gắn máy** do các nguyên nhân sau đây:
 - Tai nạn bất ngờ, ngoài sự kiểm soát của **Người được bảo hiểm** trong những trường hợp:
 - do đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác), lật, đổ; hoặc, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;
 - do hỏa hoạn, cháy, nổ, tự phát tia lửa điện hoặc sét đánh;
 - Những tai nạn bất khả kháng do thiên nhiên gây ra gồm: bão, lũ lụt, sạt lở, động đất, mưa đá, sóng thần
 - Mất cắp, mất cướp toàn bộ xe (nguyên chiếc) có kèm theo các hành động liên quan dưới đây:
 - Hành động đột nhập, cạy phá và/hoặc thoát khỏi ngôi nhà, nơi cư trú bằng vũ lực, hoặc,
 - Hành động mất cướp, tấn công, dùng vũ lực, hoặc đe dọa dùng vũ lực
 - Mất cắp tại các điểm trông giữ xe do trường học, bệnh viện, cơ quan nhà nước tổ chức trông giữ hoặc mất cắp tại các điểm trông giữ xe của tòa nhà, bãi giữ xe công cộng có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép và có phát phiếu giữ xe.
 - Hành động ác ý, cố tình phá hoại không phải của **Người được bảo hiểm**, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.
 - Tổn thất hoặc hư hỏng đối với **Xe mô tô - xe gắn máy** trong quá trình được chuyên chở bằng các phương tiện khác trong giới hạn lãnh thổ Việt Nam nhưng loại trừ việc vận chuyển bằng các phương tiện đường hàng không. Với điều kiện **Xe mô tô - xe gắn máy** được bảo hiểm này phải được áp dụng các biện pháp an toàn thích hợp cho việc vận chuyển theo quy định của pháp luật.
- Doanh nghiệp bảo hiểm** tùy theo sự lựa chọn của mình có thể thanh toán bằng tiền mặt cho những tổn thất hoặc thiệt hại hoặc tiến hành sửa chữa, phục hồi hay thay thế **Xe mô tô - xe gắn máy** hoặc bất cứ phần nào hoặc bất kỳ linh kiện hay phụ tùng thay thế của **Xe mô tô - xe gắn máy**. Trách nhiệm của **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ không vượt quá giá trị của phần bị tổn thất hoặc thiệt hại cũng như chi phí hợp lý để lắp ráp lại các phần bị tổn thất hoặc thiệt hại đó. Số tiền bảo hiểm do **Người được bảo hiểm** ghi trên **Bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm** sẽ là mức bồi thường tối đa **Doanh nghiệp bảo hiểm** phải trả trong bất kỳ yêu cầu bồi thường cho tổn thất hoặc thiệt hại nào.
- Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ thanh toán những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh trong một vụ tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm để:
 - Bảo vệ và đưa xe thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất và chi phí vận chuyển trong phạm vi lãnh thổ quốc gia nơi xảy ra tổn thất hay thiệt hại, nhưng tối đa không vượt quá 10% Số tiền bảo hiểm.
 - Chi phí giám định để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất với điều kiện việc giám định này được sự đồng ý của **Doanh nghiệp bảo hiểm**.

Điều 5. Loại trừ bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm đối với các trường hợp sau:

1. Tổn thất mang tính hậu quả hoặc do giảm giá trị thương mại, hao mòn tự nhiên, hư hỏng hoặc tình trạng ngưng hoạt động về cơ điện; hoặc hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử).
2. Thiệt hại đối với lốp xe, nhãn mác, logo trừ trường hợp các thiệt hại này xảy ra do cùng nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một thời điểm xảy ra tai nạn.
3. Mất trộm, mất cắp phụ tùng, bộ phận hoặc thiết bị thay thế của Xe mô tô- Xe gắn máy, trừ khi Xe cũng bị đánh cắp vào cùng một thời điểm đó.
4. Tổn thất động cơ (bao gồm động cơ đốt trong và động cơ điện) do xe hoạt động trong khu vực/ đường đang bị ngập nước hoặc do nước lọt vào động cơ gây nên hiện tượng thủy kích trừ trường hợp xe đang hoạt động bị tai nạn bất ngờ đâm xuống ao, hồ, sông, suối... dẫn đến hư hỏng động cơ (trừ khi có thỏa thuận khác)
5. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm (bao gồm dừng hoặc đỗ xe), đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe không sử dụng hoặc sử dụng không đủ đèn chiếu sáng theo quy định, lùi xe trong hầm đường bộ hoặc trên đường cao tốc
6. Xe chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa (bao gồm các trường hợp xe bị tổn thất do chính hàng hóa chở trên xe bị xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển gây ra không phải do xe bị đâm, va, lật, đổ do tai nạn).
7. Người điều khiển xe trong tình trạng mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở; hoặc sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
8. Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc bị lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê hoặc xe cho mượn) hoặc xe bị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ hoặc tranh chấp, trừ khi có thỏa thuận khác.
9. Tổn thất đối với các thiết bị được lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (trừ khi có thỏa thuận khác) và tổn thất do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra.
10. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Việt Nam.
11. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe.
12. Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.
13. Bất kỳ tai nạn, tổn thất, thiệt hại hay trách nhiệm nào (trừ những gì được cho là cần thiết theo yêu cầu của quy định pháp luật) trực tiếp hay gián tiếp, gần hay xa, gây ra hay bị quy cho là do, hay truy nguyên do, hay phát sinh từ, hay có liên quan đến chiến tranh, xâm lược, hành vi thù địch của nước ngoài, chiến sự và các hoạt động mang tính chất chiến tranh (dù tuyên chiến hay không tuyên chiến), nội chiến, binh biến, phiến loạn, cách mạng, khởi nghĩa, lực lượng quân sự hay tiềm quyền, đình công nổi loạn hay bạo động quần chúng, hoặc do hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của bất kỳ sự cố nào nêu trên và trong trường hợp có xảy ra yêu cầu bồi thường thì **Người được bảo hiểm** phải chứng minh rằng tai nạn, tổn thất hay thiệt hại hoặc trách nhiệm là phát sinh độc lập và hoàn toàn không có liên quan đến hoặc được tác động bởi hoặc bị quy cho là do hoặc truy nguyên do bất kỳ sự cố nêu trên hay bất kỳ hậu quả nào của các sự cố đó và trong trường hợp không chứng minh được như vậy, **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ không có trách nhiệm thanh toán cho yêu cầu bồi thường nào như trên.
14. Bất kỳ số tiền nào mà **Người được bảo hiểm** lẽ ra đã được bồi thường từ một bên thứ ba nếu không có thỏa thuận giữa bên này và **Người được bảo hiểm**.
15. Trách nhiệm với bất kỳ hình thức nào, trực tiếp hay gián tiếp gây ra hay bị quy cho là do, hay phát sinh từ sự phóng xạ i-on hóa hay sự nhiễm bẩn do phóng xạ từ nhiên liệu hạt nhân hay từ chất thải hạt nhân, từ sự đốt cháy nhiên liệu hạt nhân. Vì mục đích của điểm loại trừ này, sự đốt cháy bao gồm bất cứ quá trình tự phân hạch hạt nhân nào.
16. Bất kỳ tai nạn tổn thất hay thiệt hại hay trách nhiệm nào trực tiếp hay gián tiếp gây ra do, hay bị quy cho là do, hay phát sinh từ nguyên liệu vũ khí hạt nhân.

Điều 6. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

1. Bồi thường tổn thất bộ phận:

- 1.1. **Doanh nghiệp bảo hiểm** chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho **Người được bảo hiểm** để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng **Mức khấu trừ** (nếu có).
- 1.2. Cách xác định số tiền bồi thường:
 - a) Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa Số tiền bảo hiểm và giá thị trường của xe được bảo hiểm tại thời điểm giao kết **Hợp đồng bảo hiểm**;

- b) Trường hợp xe được bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới được tính bằng chi phí thay thế thực tế (không trừ khấu hao).

1.3. Doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất và theo nguyên tắc bồi thường quy định tại mục 1.2a, 1.2b Điều 6 của Quy tắc bảo hiểm này;

2. Bồi thường tổn thất toàn bộ:

Doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thực tế; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm trước khi xảy ra tổn thất;

Khi có kết luận của cơ quan công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp xe được bảo hiểm, **Doanh nghiệp bảo hiểm** có trách nhiệm xem xét bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp sau khi được cơ quan cảnh sát điều tra trả lời văn bản trưng cầu ý kiến của **Doanh nghiệp bảo hiểm**;

Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá thị trường của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc **Hợp đồng bảo hiểm**;

3. Thu hồi tài sản sau bồi thường:

Khi **Doanh nghiệp bảo hiểm** đã trả tiền bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe, hoặc thay thế thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của **Doanh nghiệp bảo hiểm**, cụ thể:

- 3.1. Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao);
- 3.2. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi **Doanh nghiệp bảo hiểm** đã bồi thường toàn bộ xe thì toàn bộ giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất thuộc sở hữu của **Doanh nghiệp bảo hiểm**. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì **Doanh nghiệp bảo hiểm** thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp **Chủ xe** có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của **Doanh nghiệp bảo hiểm**;
- 3.3. Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì **Doanh nghiệp bảo hiểm** được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

Điều 7. Mức khấu trừ

1. **Mức khấu trừ** như được định nghĩa tại điều 1 Quy tắc bảo hiểm này.
2. Trừ khi có thỏa thuận khác và được ghi trong **Hợp đồng bảo hiểm**/Giấy chứng nhận bảo hiểm, **Doanh nghiệp bảo hiểm** áp dụng **Mức khấu trừ** là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng /mỗi và mọi **Vụ tổn thất**

Điều 8. Thế quyền

Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của bên thứ ba, **Bên mua bảo hiểm, Chủ xe** phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của **Doanh nghiệp bảo hiểm** để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho **Doanh nghiệp bảo hiểm** kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết. **Bên mua bảo hiểm** hoặc **Chủ xe** cũng hợp tác chặt chẽ với **Doanh nghiệp bảo hiểm** để đòi lại bên thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được **Doanh nghiệp bảo hiểm** bồi thường.

Điều 9. Giảm trừ bồi thường

1. **Doanh nghiệp bảo hiểm** thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

1.1. Giảm 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- a) **Người được bảo hiểm** không gửi Thông báo tổn thất cho **Doanh nghiệp bảo hiểm** trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đã được **Doanh nghiệp bảo hiểm** giám định thiệt hại trong thời gian này);
- b) **Người được bảo hiểm** /người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn trừ trường hợp di chuyển để đảm bảo an toàn, hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

1.2. Giảm 25% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- a) **Người được bảo hiểm** /người điều khiển xe tự ý tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của **Doanh nghiệp bảo hiểm** (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);
- b) **Người được bảo hiểm** /người điều khiển xe vượt quá tốc độ cho phép và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng xác định vượt quá từ 20% trở lên;

1.3. Giảm đến 70% số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của của **Người được bảo hiểm** /người điều khiển xe trong các trường hợp sau:

- a) **Người được bảo hiểm** không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn cho **Doanh nghiệp bảo hiểm** kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với **Doanh nghiệp bảo hiểm** để yêu cầu bồi thường/đòi bồi hoàn người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho **Doanh nghiệp bảo hiểm**;
- b) **Người được bảo hiểm** không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; không tạo điều kiện thuận lợi cho **Doanh nghiệp bảo hiểm** trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó;

1.4. Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:

- a) **Người được bảo hiểm** kê khai **Giấy yêu cầu bảo hiểm** sai, không đúng mục đích sử dụng của xe làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;
- b) **Người được bảo hiểm** không thông báo cho **Doanh nghiệp bảo hiểm** trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).

2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường

Khi **Người được bảo hiểm** bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường với tỷ lệ giảm trừ cao nhất.

Điều 10. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

Trong **Thời hạn bảo hiểm**, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt **Hợp đồng bảo hiểm** theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.

1. Trường hợp **Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm** đơn phương chấm dứt **Hợp đồng bảo hiểm** trước hạn, **Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm** phải thông báo bằng văn bản cho **Doanh nghiệp bảo hiểm**. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của **Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm**, **Doanh nghiệp bảo hiểm** phải hoàn lại cho **Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm** 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của **Hợp đồng bảo hiểm**. **Doanh nghiệp bảo hiểm** không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm trước thời điểm chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm.
2. Trường hợp **Doanh nghiệp bảo hiểm** đơn phương chấm dứt **Hợp đồng bảo hiểm**, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày **Doanh nghiệp bảo hiểm** thông báo bằng văn bản cho **Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm**, **Doanh nghiệp bảo hiểm** phải hoàn lại phí bảo hiểm cho **Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm** tương ứng với thời gian còn lại của **Hợp đồng bảo hiểm**.

Điều 11. Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ trong Hợp đồng bảo hiểm

Khi Chủ sở hữu của xe thay đổi, **Người được bảo hiểm** có quyền đề nghị chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ trong **Hợp đồng bảo hiểm** này cho chủ sở hữu mới của xe bằng cách gửi cho **Doanh nghiệp bảo hiểm** một yêu cầu bằng văn bản, không muộn hơn 15 ngày kể từ ngày chuyển quyền sở hữu xe. **Doanh nghiệp bảo hiểm** có quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chuyển nhượng này.

Nếu **Doanh nghiệp bảo hiểm** chấp thuận đề nghị chuyển nhượng, **Hợp đồng bảo hiểm** này được xem là được chuyển nhượng cho chủ sở hữu mới của xe kể từ thời điểm quyền sở hữu của xe được chuyển nhượng.

Nếu **Doanh nghiệp bảo hiểm** không chấp thuận việc chuyển nhượng, **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ thông báo trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển nhượng hợp lệ từ **Người được bảo hiểm**. **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ hoàn lại phí bảo hiểm cho thời hạn còn lại như quy định tại Điều 10 Quy tắc bảo hiểm này.

Điều 12. Thay đổi về rủi ro được bảo hiểm

1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ xem xét giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của **Hợp đồng bảo hiểm**. Sau khi nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của **Bên mua bảo hiểm**, **Doanh nghiệp bảo hiểm** phải trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí và thời hạn hoàn trả phí bảo hiểm được giảm.

Trong trường hợp **Doanh nghiệp bảo hiểm** không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì **Bên mua bảo hiểm** có quyền đơn phương chấm dứt **Hợp đồng bảo hiểm** theo quy định tại Điều 10 Quy tắc bảo hiểm này.

2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì **Doanh nghiệp bảo hiểm** có thể tính lại phí bảo hiểm hoặc không chấp thuận bảo hiểm khi rủi ro tăng lên cho thời gian còn lại của **Hợp đồng bảo hiểm**. Trong trường hợp **Bên mua bảo hiểm** không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì **Doanh nghiệp bảo hiểm** có thể đơn phương chấm dứt **Hợp đồng bảo hiểm** theo quy định tại Điều 10 Quy tắc bảo hiểm này.

Điều 13. Bảo hiểm cho nhiều xe trong cùng một Hợp đồng bảo hiểm

Trong trường hợp có nhiều xe cùng được bảo hiểm theo một **Hợp đồng bảo hiểm** xe duy nhất, các điều kiện, điều khoản và điểm loại trừ của **Hợp đồng bảo hiểm** này sẽ được áp dụng cho mỗi xe được bảo hiểm như thể là mỗi xe được cấp một **Hợp đồng bảo hiểm** riêng.

Đối với riêng trường hợp **Bên mua bảo hiểm** chỉ yêu cầu chấm dứt bảo hiểm cho một số (không phải toàn bộ) xe trong một đội xe đang được bảo hiểm theo một hợp đồng duy nhất, **Doanh nghiệp bảo hiểm** có thể xem xét hoàn lại phí bảo hiểm cho **Bên mua bảo hiểm** tương ứng với thời gian bảo hiểm còn lại của các xe này.

Điều 14. Thông báo và giảm thiểu tổn thất

Khi xảy ra tổn thất, **Bên mua bảo hiểm, Chủ xe** phải:

1. Thông báo ngay cho **Doanh nghiệp bảo hiểm** để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng).
2. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của **Doanh nghiệp bảo hiểm**; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra tai nạn (trừ trường hợp bất khả kháng), **Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm** phải gửi thông báo tai nạn bằng văn bản hoặc thông qua hình thức điện tử cho **Doanh nghiệp bảo hiểm**.

Điều 15. Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, **Doanh nghiệp bảo hiểm** hoặc người được **Doanh nghiệp bảo hiểm** ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của **Người được bảo hiểm**, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. **Doanh nghiệp bảo hiểm** chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
2. Trường hợp **Người được bảo hiểm** không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do **Doanh nghiệp bảo hiểm** xác định, hai bên thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định.
3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của **Doanh nghiệp bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm** phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của **Doanh nghiệp bảo hiểm, Người được bảo hiểm** phải trả chi phí giám định độc lập.
4. Trong trường hợp đặc biệt, **Doanh nghiệp bảo hiểm** không thể thực hiện được việc giám định thì **Doanh nghiệp bảo hiểm** có trách nhiệm hướng dẫn **Người được bảo hiểm** /Người điều khiển xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 16. Hồ sơ yêu cầu bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Tài liệu do **Bên mua bảo hiểm, Chủ xe** cung cấp:
 - 1.1. Thông báo tổn thất và tờ khai yêu cầu bồi thường (theo mẫu của **Doanh nghiệp bảo hiểm**);
 - 1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên **Doanh nghiệp bảo hiểm** sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:
 - a) Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc **Hợp đồng bảo hiểm** và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
 - b) Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất;
 - c) Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, ủy quyền sử dụng xe (nếu có);
 - d) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam.)
 - 1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:
 - a) Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại
 - b) Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà **Người được bảo hiểm** đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của **Doanh nghiệp bảo hiểm**.
 - 1.4. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho **Doanh nghiệp bảo hiểm** đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà **Người được bảo hiểm** đã được **Doanh nghiệp bảo hiểm** giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).
 - 1.5. Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:
 - Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an;
 - Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an (nếu có).
2. Tài liệu do **Doanh nghiệp bảo hiểm** phối hợp với **Người được bảo hiểm** để thu thập:
 - 2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:
 - a) Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);
 - b) Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
 - c) Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);
 - d) Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
 - e) Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);
 - 2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của bên thứ ba (nếu có);
 - 2.3. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất;
 - 2.4. Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:
 - Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp xe được bảo hiểm;

- Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp xe được bảo hiểm (nếu có);
3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 17. Bảo hiểm trùng

Bảo hiểm trùng là trường hợp **Bên mua bảo hiểm** giao kết **Hợp đồng bảo hiểm** với hai **Doanh nghiệp bảo hiểm** trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng bảo hiểm, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các **Hợp đồng bảo hiểm**/giấy chứng nhận bảo hiểm: **Doanh nghiệp bảo hiểm** chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa Số tiền bảo hiểm hoặc hạn mức trách nhiệm đã thỏa thuận trên tổng Số tiền bảo hiểm hoặc hạn mức trách nhiệm của tất cả các hợp đồng mà **Người được bảo hiểm** đã tham gia bảo hiểm.
2. Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các giấy chứng nhận bảo hiểm/**Hợp đồng bảo hiểm**, **Doanh nghiệp bảo hiểm** chịu trách nhiệm bồi thường theo từng **Hợp đồng bảo hiểm** đã ký kết.

Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của các giấy chứng nhận bảo hiểm/**Hợp đồng bảo hiểm** không vượt quá tổng số tiền thiệt hại thực tế.

Điều 18. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của **Doanh nghiệp bảo hiểm** là 90 ngày kể từ ngày **Người được bảo hiểm** nhận được thông báo bồi thường của **Doanh nghiệp bảo hiểm**. Quá thời hạn nêu trên, **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ không giải quyết khiếu nại.
3. Thời hiệu khởi kiện về **Hợp đồng bảo hiểm** là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp từ **Hợp đồng bảo hiểm**.
4. Mọi tranh chấp phát sinh từ **Hợp đồng bảo hiểm**, nếu **Doanh nghiệp bảo hiểm** và người được bảo hiểm/Bên mua bảo hiểm không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra cơ quan giải quyết tranh chấp qui định trên Bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 19. Phạm vi địa lý

Phạm vi địa lý của **Hợp đồng bảo hiểm** này là Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Điều 20. Luật Áp Dụng

Hợp đồng bảo hiểm này sẽ được giải thích và điều chỉnh bởi luật pháp Việt Nam.